

2. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày ra quyết định giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai có trách nhiệm công khai quyết định giải quyết khiếu nại theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Công bố tại cuộc họp cơ quan nơi người bị khiếu nại công tác;
- b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan giải quyết khiếu nại;
- c) Niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành

- a) Trách nhiệm của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại

Sau khi quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực thi hành, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện.

- b) Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại

Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự được giao tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại có trách nhiệm thực hiện và báo cáo người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

Mục 3 **GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO**

Điều 15. Xử lý đơn tố cáo

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, công chức nghiên cứu nội dung đơn tố cáo, đề xuất người có thẩm quyền xử lý như sau:

1. Trường hợp đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 157 Luật thi hành án dân sự thì thụ lý đơn tố cáo; trường hợp đơn chưa đủ điều kiện thụ lý thì có văn bản trả lời cho người tố cáo biết lý do hoặc hướng dẫn người tố cáo bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến tố cáo để được thụ lý giải quyết.

2. Trường hợp đơn tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới hoặc cơ quan khác thì chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết và thông báo cho người tố cáo biết.

3. Trường hợp đơn tố cáo đã được chuyển, hướng dẫn, trả lời, giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng đương sự vẫn tiếp tục có đơn cùng nội dung; đơn đồng thời đề gửi nhiều cơ quan, trong đó đã đề gửi cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc đã mời người tố cáo hai lần để xác định nội dung tố cáo nhưng người tố cáo không đến, không cung cấp thông tin, tài liệu thì lưu đơn.

4. Trường hợp hành vi bị tố cáo có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có văn bản chuyển đơn tố cáo và hồ sơ, tài liệu kèm theo

đến cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thụ lý đơn tố cáo

1. Sau khi tiếp nhận tố cáo thuộc thẩm quyền, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo kiểm tra, xác minh họ tên, địa chỉ của người tố cáo và các nội dung khác theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật tố cáo và quyết định việc thụ lý hoặc không thụ lý giải quyết tố cáo.

Trường hợp cần thiết, người giải quyết tố cáo có thể làm việc trực tiếp với người tố cáo để làm rõ nội dung tố cáo và các vấn đề khác có liên quan trước khi thụ lý giải quyết tố cáo.

2. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ra quyết định thụ lý giải quyết tố cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn tố cáo và thông báo cho người tố cáo và người bị tố cáo biết.

Điều 17. Xử lý trường hợp rút tố cáo

1. Trường hợp người tố cáo xin rút một phần hoặc toàn bộ nội dung tố cáo và xét thấy việc rút tố cáo là có căn cứ thì người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ đối với nội dung tố cáo đó. Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp hành vi vi phạm pháp luật chưa được phát hiện và xử lý hoặc có căn cứ cho rằng việc rút tố cáo do người tố cáo bị đe dọa, ép buộc thì người giải quyết tố cáo vẫn xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Xác minh nội dung tố cáo

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo. Đoàn xác minh có trách nhiệm xây dựng kế hoạch làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để xác minh nội dung tố cáo theo các bước sau đây:

1. Công bố quyết định thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo

Trưởng đoàn xác minh có trách nhiệm giao hoặc công bố quyết định thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo cho người bị tố cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ban hành quyết định. Việc giao hoặc công bố quyết định thành lập Đoàn xác minh nội dung tố cáo phải lập biên bản có chữ ký của người công bố quyết định và người bị tố cáo. Biên bản phải lập thành hai bản, giao một bản cho người bị tố cáo.

2. Làm việc trực tiếp với người bị tố cáo, người tố cáo

a) Người xác minh tố cáo phải làm việc trực tiếp với người bị tố cáo, yêu cầu người bị tố cáo giải trình bằng văn bản về những nội dung bị tố cáo và cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo, nội dung giải trình.

b) Trong trường hợp cần thiết, người xác minh tố cáo làm việc trực tiếp với người tố cáo để làm rõ về những nội dung tố cáo, đồng thời yêu cầu người tố cáo cung cấp các thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo.

3. Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến nội dung tố cáo.

Điều 19. Báo cáo kết quả xác minh tố cáo

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc xác minh, Trưởng đoàn xác minh phải báo cáo bằng văn bản về kết quả xác minh với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

2. Trường hợp xác minh vụ việc phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì Đoàn xác minh báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo chuyên Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Tham khảo ý kiến tư vấn, trưng cầu giám định

Trường hợp vụ việc phức tạp hoặc xét thấy cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tham khảo ý kiến tư vấn của cơ quan chuyên môn, các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan, tổ chức cuộc họp, trao đổi ý kiến hoặc trưng cầu giám định trước khi kết luận nội dung tố cáo.

Điều 21. Thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo

1. Trường hợp cần thiết, trước khi ban hành kết luận nội dung tố cáo, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo tổ chức cuộc họp để thông báo trực tiếp hoặc gửi dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình.

2. Trường hợp trong dự thảo kết luận nội dung tố cáo có thông tin thuộc bí mật nhà nước, thông tin có hại cho người tố cáo thì không thông báo thông tin đó.

Điều 22. Kết luận nội dung tố cáo

Căn cứ nội dung tố cáo, văn bản giải trình của người bị tố cáo, báo cáo kết quả xác minh tố cáo, các tài liệu, bằng chứng có liên quan, đối chiếu với các quy định của pháp luật, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo ban hành kết luận nội dung tố cáo.

Điều 23. Xử lý kiến nghị của người bị tố cáo

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận nội dung tố cáo, nếu người bị tố cáo không đồng ý thì có quyền kiến nghị bằng văn bản đến cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo thì giải quyết như sau:

1. Trường hợp việc giải quyết tố cáo đã đúng quy định của pháp luật thì cấp trên trực tiếp của người đã giải quyết tố cáo có văn bản trả lời, yêu cầu người bị tố cáo nghiêm túc thực hiện Kết luận nội dung tố cáo.

2. Trường hợp phát hiện có tình tiết mới hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật của người có thẩm quyền đã giải quyết tố cáo thì tiến hành giải quyết lại hoặc chỉ đạo giải quyết lại. Trình tự, thủ tục giải quyết lại tố cáo được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 24. Công khai kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Người giải quyết tố cáo phải gửi kết luận nội dung tố cáo cho cơ quan cấp trên trực tiếp, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, công khai kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo cho người bị tố cáo.

2. Việc công khai kết luận nội dung tố cáo và quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: công bố tại cuộc họp cơ quan nơi người bị tố cáo công tác; niêm yết tại trụ sở làm việc hoặc nơi tiếp công dân của cơ quan đã giải quyết tố cáo; thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan đã giải quyết tố cáo.

Trường hợp trong các văn bản nêu trên có nội dung thuộc bí mật nhà nước hoặc các thông tin có hại cho người tố cáo thì phải trích văn bản để loại bỏ những thông tin đó trước khi gửi cho người bị tố cáo.

3. Trường hợp người tố cáo có yêu cầu thông báo kết quả giải quyết tố cáo thì người giải quyết tố cáo gửi thông báo bằng văn bản về kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo. Thông báo kết quả giải quyết tố cáo phải nêu rõ kết luận nội dung tố cáo, việc xử lý người bị tố cáo, trừ những nội dung thuộc bí mật nhà nước. Trường hợp người tố cáo không yêu cầu thông báo kết quả giải quyết tố cáo nhưng qua xác minh đã kết luận toàn bộ hoặc một số nội dung tố cáo là không đúng sự thật thì người giải quyết tố cáo vẫn phải thông báo bằng văn bản cho người tố cáo biết về những nội dung người tố cáo đã tố cáo không đúng sự thật.

Điều 25. Thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo

1. Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo hoặc giao cho đơn vị đã tham mưu giải quyết tố cáo, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp dưới thực hiện.

2. Thủ trưởng cơ quan được giao tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo phải thực hiện đúng nội dung kết luận và báo cáo người có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

Mục 4

XỬ LÝ ĐỐI VỚI VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO PHỨC TẠP, TỒN ĐONG, KÉO DÀI VÀ ĐỀ NGHỊ, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Điều 26. Phối hợp xử lý vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài

Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự phối hợp với các cơ quan chức năng cùng cấp trong giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài. Đối với khiếu nại, tố cáo phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương thì Thủ trưởng cơ quan

thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được chỉ đạo giải quyết theo khoản 1 Điều 173 Luật thi hành án dân sự.

Điều 27. Rà soát, phân loại, xử lý vụ việc

Cơ quan thi hành án dân sự, cơ quan quản lý thi hành án dân sự tổ chức rà soát đơn khiếu nại, tố cáo, phân loại vụ việc khiếu nại, tố cáo để giải quyết theo trình tự như sau:

1. Đối với vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo phải tổ chức họp liên ngành trung ương, địa phương để thống nhất phương án giải quyết; tổ chức đối thoại với người khiếu nại, tố cáo; thông báo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Đối với việc khiếu nại, tố cáo đã được giải quyết đúng pháp luật, nếu qua đối thoại, giải thích, vận động, thuyết phục mà người khiếu nại, tố cáo đồng ý với phương án giải quyết thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo ra thông báo chấm dứt khiếu nại, tố cáo. Trường hợp đương sự không đồng ý thì ra thông báo không thụ lý, xem xét, giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo đó, đồng thời, cơ quan ra thông báo sẽ lập hồ sơ trích ngang về nội dung vụ việc và quá trình giải quyết để công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan và thông báo cho các cơ quan có liên quan ở Trung ương và địa phương.

Điều 28. Xử lý đề nghị, kiến nghị, phản ánh

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, công chức phải đề xuất người có thẩm quyền xử lý như sau:

1. Trường hợp đề nghị, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền thì có văn bản trả lời người có đề nghị, kiến nghị, phản ánh.

2. Trường hợp đề nghị, kiến nghị, phản ánh không liên quan đến lĩnh vực thi hành án dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác thì chuyển đơn cùng các tài liệu kèm theo (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật và trả lời, hướng dẫn cho người đề nghị, kiến nghị, phản ánh.

3. Trường hợp đề nghị, kiến nghị, phản ánh đã được chuyên, hướng dẫn, trả lời theo quy định của pháp luật nhưng đương sự vẫn tiếp tục có đơn cùng nội dung; đơn đề gửi nhiều cơ quan, trong đó có đề cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì lưu đơn.

Chương III

BÁO CÁO, THỐNG KÊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Chế độ báo cáo, thống kê

1. Tổng cục Thi hành án dân sự hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong hệ thống thi hành án dân sự theo quy định tại Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Cục Thi hành án dân sự theo dõi, tổng hợp tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh của Cục Thi hành án dân sự và các Chi cục Thi hành án dân sự trên địa bàn, báo cáo Tổng cục Thi hành án dân sự.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2016.

2. Các quy định về quy trình xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh trong thi hành án dân sự trái với Thông tư này được bãi bỏ.

Đối với các trường hợp khiếu nại, tố cáo đã được thụ lý trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết xong thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục Thi hành án dân sự, Thanh tra Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

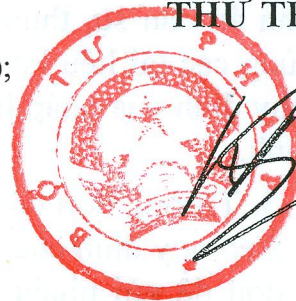
2. Định kỳ hàng năm Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp kết quả công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị, phản ánh về thi hành án dân sự.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh về Bộ Tư pháp để kịp thời nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. / *Th*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Sở Tư pháp tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCTHADS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Chí Hiếu